

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán được duyệt	Số đề nghị Quyết toán	Số Quyết toán được phê duyệt	Trong đó		Ghi chú
					Số đã thanh toán đến ngày quyết toán	Chi phí phải trả	
I	Chi phục vụ công tác bồi thường	15.639.000	15.639.000	15.639.000	15.639.000	0	
1	Chi bồi dưỡng đi kiểm kê, đo đạc	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000		
2	Chi làm ngoài giờ xác nhận nguồn gốc	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000		
3	Chi bồi dưỡng tính toán, áp giá, lập phương án	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000		
4	Chi bồi dưỡng TCT đi chi trả tiền bồi thường	810.000	810.000	810.000	810.000		
5	Chi bồi dưỡng lập hồ sơ quyết toán	810.000	810.000	810.000	810.000		
6	Chi phí thuê mướn (đo đạc, phát dọn, đóng cọc.....)	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000		
7	Chi tiền thuê xe Ô tô để đi chi trả đền bù	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000		
8	Chi tiền mua văn phòng phẩm và photocopy	3.269.000	3.269.000	3.269.000	3.269.000		
II	Chi phí thẩm định	7.819.000	7.819.000	7.819.000	6.646.000	1.173.000	
1	Chi phí thẩm định phương án bồi thường	5.473.000	5.473.000	5.473.000	5.473.000		
2	Chi phí thẩm định dự toán	1.173.000	1.173.000	1.173.000	1.173.000		
3	Chi phí thẩm định quyết toán	1.173.000	1.173.000	1.173.000		1.173.000	
III	Chi cân đối thường xuyên	54.735.000	54.735.000	54.735.000	54.735.000	0	
	Tổng cộng (I+II+III)	78.193.000	78.193.000	78.193.000	77.020.000	1.173.000	

Bằng chữ: Bảy mươi tám triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng./.



